VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Dòng tiền phân hóa tại vùng định giá hấp dẫn

Cuộc họp FOMC tháng 7



KQKD quý 2/2026



Triển vọng thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà hoa.ttn@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Fed giữ lãi suất không đổi ở mức 3,5%–3,75% trong cuộc họp tháng 7,** với tỷ lệ bỏ phiếu 9-3 (3 thành viên muốn tăng lãi suất).

Tính đến 31/7, **lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 2 năm giảm 4 bps WoW xuống 4,29%,** trong khi lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài tăng do lo ngại về lạm phát.

Việt Nam

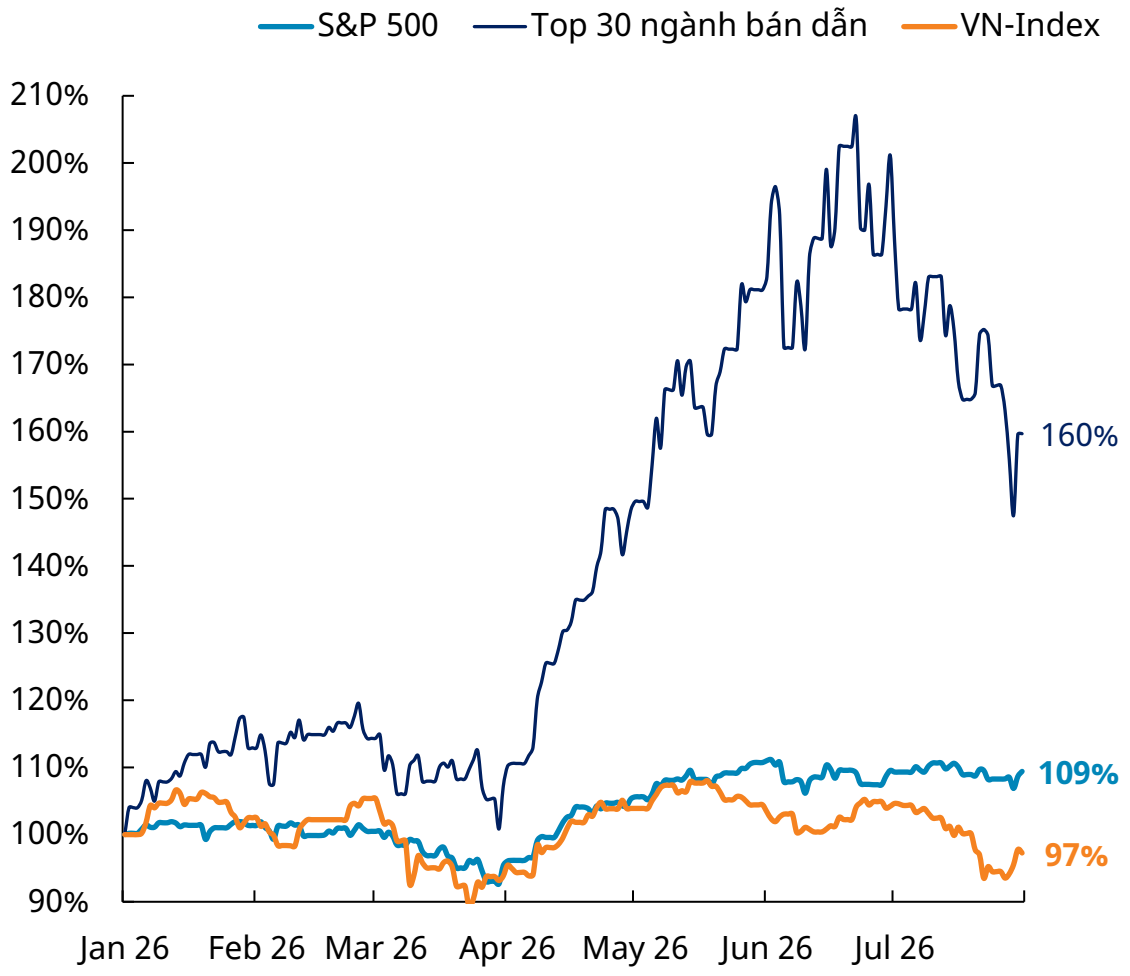
- **Tiêu điểm tuần**:
  - **Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước:** Trong bối cảnh chính sách tiền tệ Fed có thể trở nên khó dự đoán hơn dưới thời Tân Chủ tịch Kevin Warsh, áp lực lên lãi suất và thanh khoản hệ thống trong nước là rào cản lớn đối với hiệu quả của các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Do đó, phía Chính phủ và NHNN đã và đang triển khai nhiều giải pháp chính sách, trong đó đáng chú ý là việc linh hoạt nới lỏng một số quy định đối với ngành ngân hàng. Theo Thông tư 25/2026/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 1/7/2026, 20% số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước hoặc một tỷ lệ khác do Thống đốc NHNN quyết định vào từng thời kỳ sẽ được tính vào tổng tiền gửi (mẫu số của LDR). Ngày 30/7, NHNN đã ban hành Quyết định 1743/QĐ-NHNN tăng tỷ lệ này lên 50% có hiệu lực từ 1/8/2026 đến 31/7/2028.
  - Ngày 27/7, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt **Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao, liên tục đến năm 2045**.
  - **Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY** (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)
- **DXY giảm xuống 99,9 tính tới 31/7. Tỷ giá USD/VND vẫn giữ ổn định** (26.490; -0,08% WoW; +0,43% YTD). **Lãi suất qua đêm ngày 30/7 giảm mạnh về 0,75% (-222bps WoW)**, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 3/2024. Trong tuần 27–31/7, NHNN bơm hơn 48,3 nghìn tỷ qua OMO.
- **VN-Index: 1.735,8 (+2,9% WoW)** hồi phục tại vùng định giá thấp dù thanh khoản vẫn ở mức thấp. **Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản. Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước, đặc biệt là Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 27/7; 2) Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY, với kỳ vọng mức tăng trưởng cả năm khoảng 20–22% YoY.
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Sau cuộc họp FOMC, thị trường tiếp tục giữ kỳ vọng tăng lãi suất sắp tới

- **Fed giữ lãi suất không đổi ở mức 3,5%–3,75% trong cuộc họp tháng 7,** với tỷ lệ bỏ phiếu 9-3 (3 thành viên muốn tăng 25bps). **Chủ tịch Kevin Warsh đưa ra rất ít hướng dẫn về lộ trình chính sách tiền tệ**. Thị trường kỳ vọng lãi suất tăng 25 điểm cơ bản vào kỳ họp giữa tháng 9, với xác suất 67% dựa trên dữ liệu CME Fedwatch ngày 2/8.
- **Lạm phát PCE của Mỹ hạ nhiệt trong tháng 6 xuống 3,7% YoY** (so với tháng 5: 4,1% YoY). **Lạm phát PCE lõi hạ nhiệt xuống 3,3%** (so với tháng 5: 3,4%).
- **Cổ phiếu bán dẫn chịu áp lực bán, trong bối cảnh lo ngại về hiệu quả và khả năng sinh lời từ làn sóng đầu tư AI và sự cạnh tranh gia tăng**. Tuy nhiên, chỉ số tăng trở lại vào 30/7, sau khi Microsoft báo cáo mức tăng trưởng mạnh hơn dự kiến và đưa ra triển vọng khả quan, giúp hỗ trợ sự phục hồi rộng rãi của các cổ phiếu công nghệ vốn đã suy yếu gần đây.
- **Sự kiện thế giới sắp tới**:
  - **Thị trường lao động:** Báo cáo việc làm (Bảng lương phi nông nghiệp, Tỷ lệ thất nghiệp) và các dữ liệu lao động khác như số liệu việc làm của JOLTS và Chỉ số thay đổi việc làm ADP của Mỹ.
  - **Chỉ số PMI của các nước**, bao gồm Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Việt Nam (công bố vào 3/8).

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

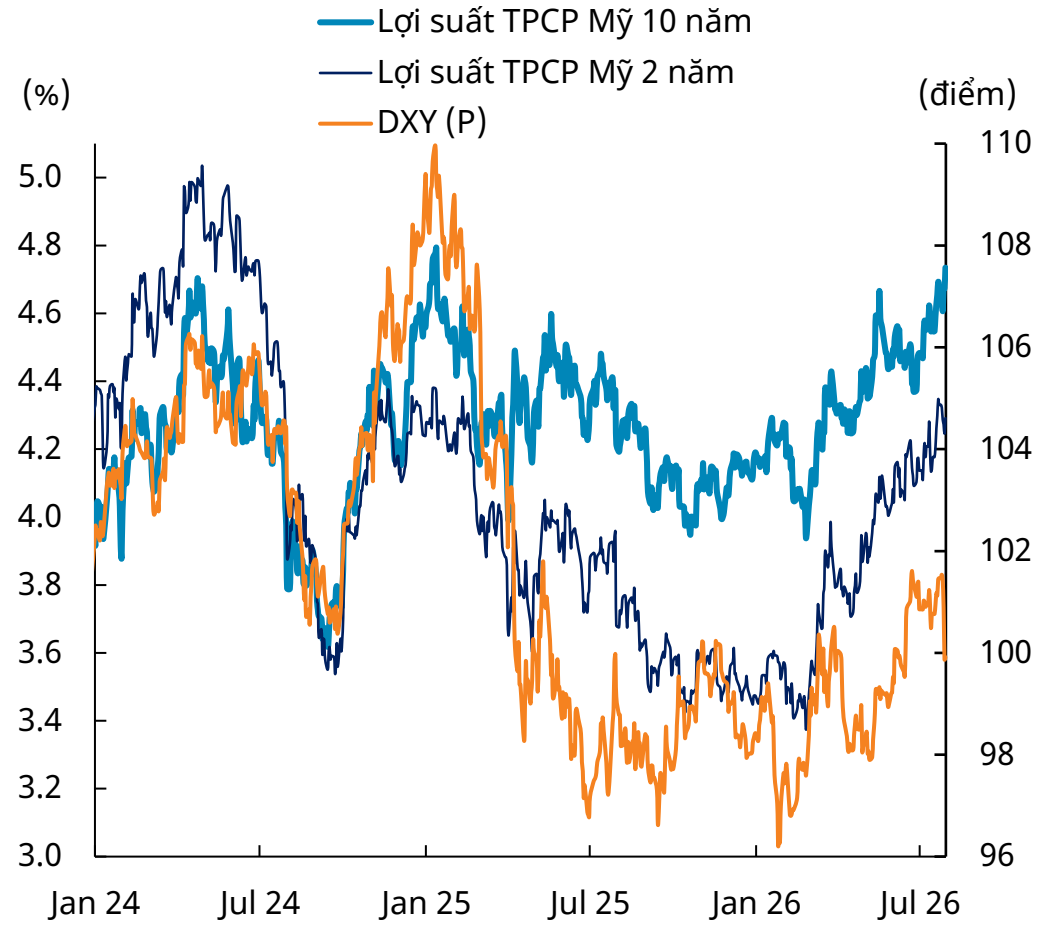


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **31/07/2026**

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu Mỹ dài hạn tăng sau cuộc họp FOMC tháng 7

- Tính đến 31/7, **lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 2 năm giảm 4bps WoW xuống 4,29% (+81,8bps YTD)**. Trong khi đó, **lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài hơn tăng (10 năm: 4,73% (+5,8bps WoW; +56,8bps YTD)—cao nhất kể từ tháng 1/2025, và 30 năm: 5,28% (+11,7bps WoW; +43,4bps YTD)—mức cao nhất kể từ 2007)**, phản ánh lo ngại về lạm phát cao hơn trong dài hạn.
- **Các điểm mới trong chính sách điều hành của Chủ tịch Kevin Warsh có thể khiến thị trường biến động hơn trong ngắn hạn:**
  - **Chiến lược truyền thông**: **Quyết định cắt giảm gợi ý về lộ trình lãi suất**, để thị trường phản ứng "không qua bộ lọc" với các dữ liệu kinh tế thực tế.
  - **Thành lập 5 Tổ công tác đặc biệt (task forces)**: Chủ tịch Kevin Warsh đã chỉ định 15 chuyên gia hàng đầu để nghiên cứu các vấn đề như tác động của AI, nguồn dữ liệu thời gian thực và khung lạm phát.
  - **Quan điểm về các cú sốc cung và AI**: Phân tích về ảnh hưởng của các cú sốc (đứt gãy chuỗi cung ứng, xung đột quân sự, thuế quan, bùng nổ AI) đến sản lượng, việc làm và lạm phát. Fed khẳng định không quá phụ thuộc vào bất kỳ một điểm dữ liệu riêng lẻ mà tập trung vào xu hướng dài hạn của dữ liệu.

Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ giảm trong khi kỳ hạn 10 năm tiếp tục tăng lên vùng cao nhất kể từ tháng 1/2025

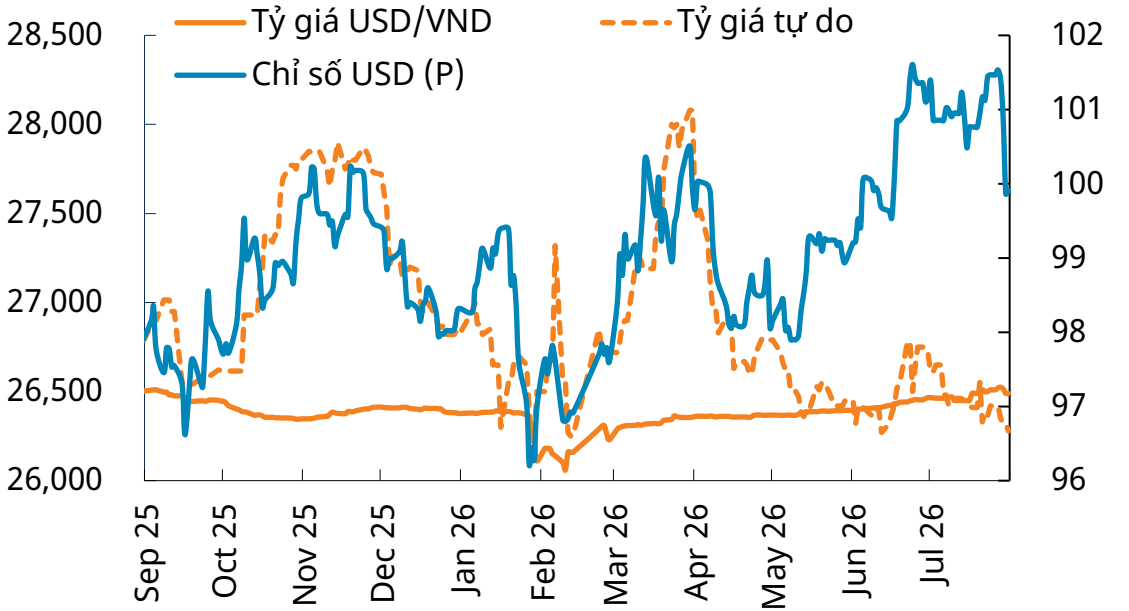


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu từ Bloomberg, **cập nhật tới 31/07/2026**

Lãi suất qua đêm giảm mạnh

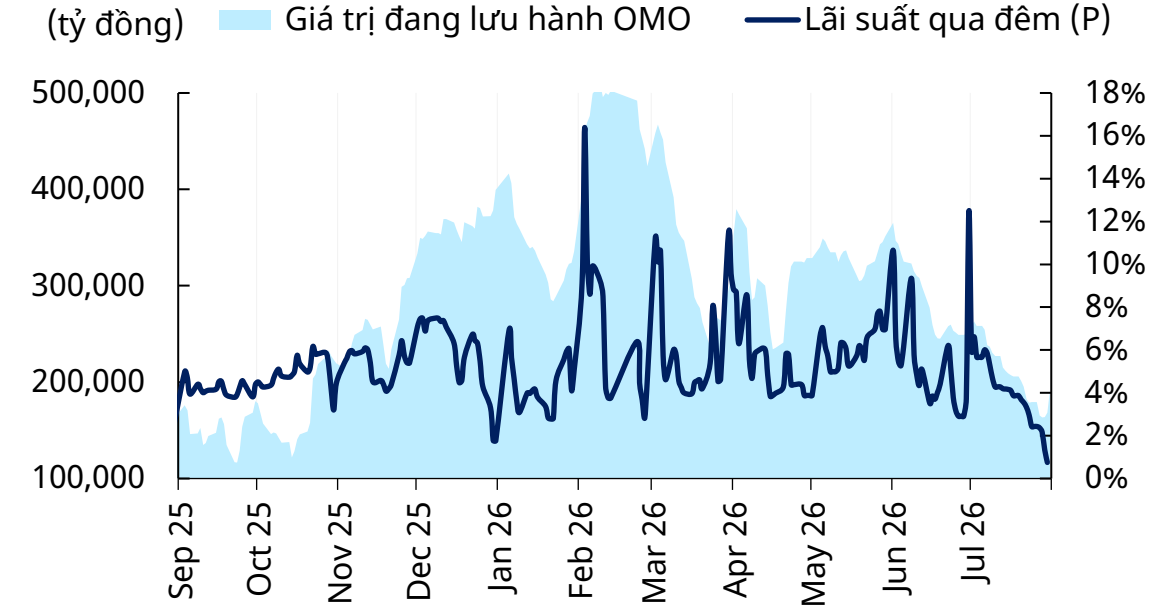
- **Tỷ giá USD/VND vẫn giữ ổn định**, với tỷ giá bán VCB ngày 31/7 là 26.490 (-0,08% WoW; +0,43% YTD); trong khi tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục hạ nhiệt xuống 26.280 (-0,53% WoW; -2,01% YTD). **Áp lực tỷ giá giảm bớt trong bối cảnh chỉ số sức mạnh đồng USD (DXY) hạ nhiệt** (-1,5% WoW; +1,6% YTD).
- **Lãi suất qua đêm giảm mạnh về mức 0,75%** (-222bps WoW) tính đến ngày 30/7, **mức thấp nhất kể từ cuối tháng 3/2024**. Trong tuần 27–31/7, NHNN bơm hơn 48,3 nghìn tỷ qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng tăng hơn 12,3 nghìn tỷ đồng**.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



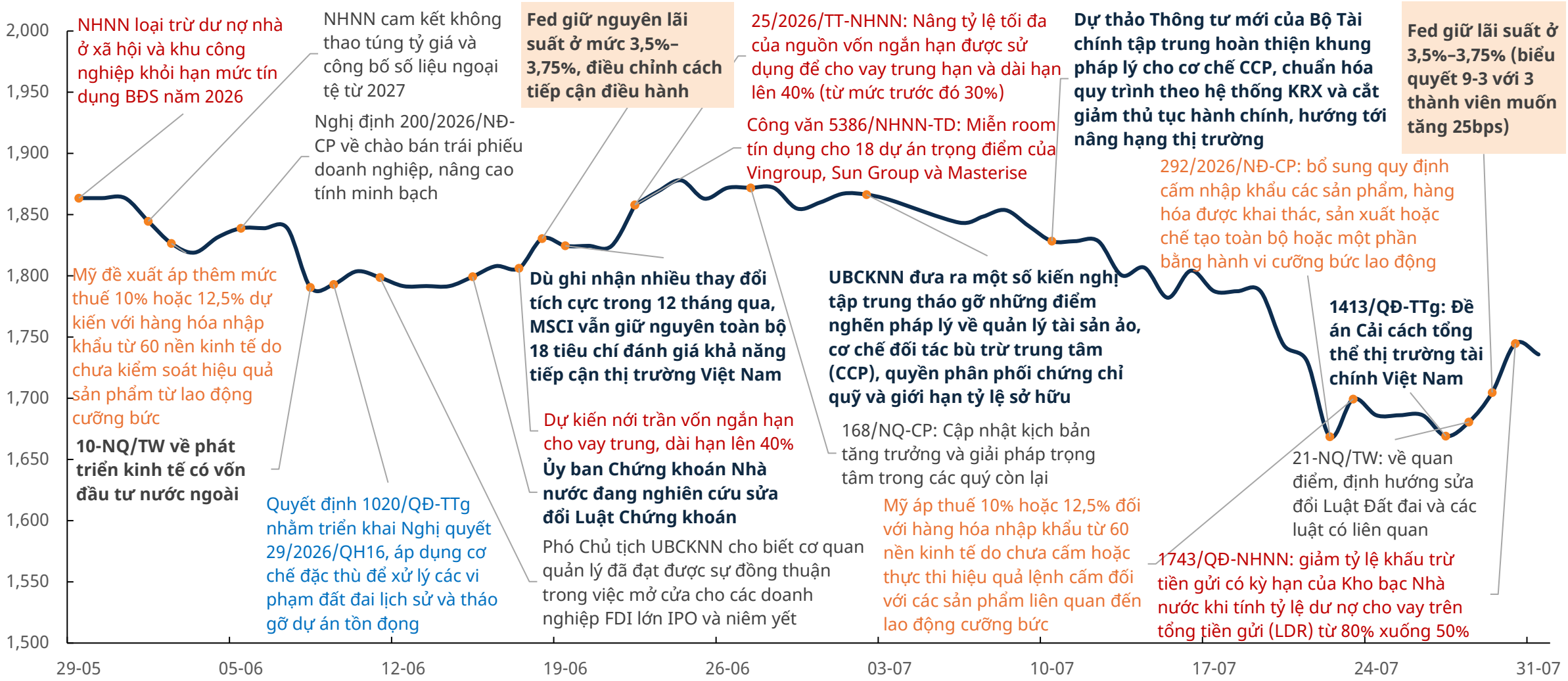
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **31/07/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 31/07/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 30/07/2026**

TTCK tăng lại từ vùng định giá thấp; Việt Nam tiếp tục đưa ra các chính sách hỗ trợ mới



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu Fiinpro, **cập nhật tới 31/7/2026**

Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước

Trong bối cảnh chính sách tiền tệ Fed có thể trở nên khó dự đoán hơn dưới thời Tân Chủ tịch Kevin Warsh, áp lực lên lãi suất và thanh khoản hệ thống trong nước là rào cản lớn đối với hiệu quả của các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. **Do đó, phía Chính phủ và NHNN đã và đang triển khai nhiều giải pháp chính sách, trong đó đáng chú ý là việc linh hoạt nới lỏng một số quy định đối với ngành ngân hàng (xem bảng bên dưới).** Theo Thông tư 25/2026/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 1/7/2026, **20% số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước hoặc một tỷ lệ khác do Thống đốc NHNN quyết định vào từng thời kỳ sẽ được tính vào tổng tiền gửi (mẫu số của LDR)**. **Ngày 30/7, NHNN đã ban hành Quyết định 1743/QĐ-NHNN tăng tỷ lệ này lên 50% có hiệu lực từ 1/8/2026 đến 31/7/2028**; điều này được kỳ vọng sẽ giúp mở rộng dư địa tăng trưởng tín dụng thêm khoảng 200 nghìn tỷ đồng.

Bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông vốn trong nước

Giải pháp tạm thời	Linh hoạt nới lỏng một số quy định đối với ngành ngân hàng	Giải pháp dài hạn
• Điều tiết thông qua thị trường mở, bán hoán đổi kỳ hạn USD…	• **Công văn 4551/NHNN-CSTT ngày 29/5/2026**: **Loại trừ phần dư nợ tín dụng tăng thêm so với năm 2025 đối với các dự án nhà ở xã hội, khu công nghiệp và khu chế xuất khỏi dư nợ đối với lĩnh vực BĐS** khi kiểm soát tăng trưởng tín dụng BĐS	• Nghị quyết số 10-NQ/TW về **phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**
• Quản lý thị trường phi chính thức, gồm thị trường vàng và ngoại hối	• **Công văn 5386/NHNN-TD ngày 22/6/2026: Loại trừ dư nợ 18 dự án trọng điểm của Vingroup, Sun Group và Masterise khỏi hạn mức tăng trưởng tín dụng hàng năm** (năm 2026: 210 nghìn tỷ đồng; Tổng giai đoạn 2026-2033: hơn 750 nghìn tỷ đồng)	• Thành lập và **vận hành VIFC hiệu quả**
	• **Thông tư 25/2026/TT-NHNN ngày 22/6/2026 (hiệu lực từ 1/7/2026)**: Nâng tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn dùng cho vay trung hạn và dài hạn từ 30% lên 40%; Cho phép tính 20% số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước hoặc một tỷ lệ khác do Thống đốc NHNN quyết định vào từng thời kỳ sẽ được tính vào tổng tiền gửi	• Các giải pháp để **MSCI nâng hạng thị trường lên mới nổi**

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp

Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước

Đáng chú ý đối với các giải pháp dài hạn, ngày 27/7, Thủ tướng chính phủ đã Phê duyệt **Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao, liên tục đến năm 2045**



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ **Quyết định 1413/QĐ-TTg ngày 27/7/2026: Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam**

Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước

Một số mục tiêu cụ thể đến 2030 trong Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam:

Giá trị tài sản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường vốn, thị trường chứng khoán: **15% GDP**

Tổng giá trị tài sản ròng của các quỹ đầu tư chứng khoán đạt **5% GDP**

Tài sản các quỹ hưu trí tăng trưởng bình quân **11,5%/năm** trong giai đoạn 2026-2030

Các cột mốc thực thi:

- **Giai đoạn 2030-2035:** Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, giám sát trên thị trường tài chính
- **2028:** Thiết lập hạ tầng thanh toán hiện đại, đồng bộ
- **2027:** Triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP)

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ **Quyết định 1413/QĐ-TTg ngày 27/7/2026: Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam**

Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước

Các nhóm giải pháp thực hiện trong Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ **Quyết định 1413/QĐ-TTg ngày 27/7/2026: Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam**

Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)

Bất động sản: Quý 2 tăng trưởng 229% YoY (tăng tốc so với mức tăng quý 1: +188% YoY), dẫn đầu bởi nhóm Vingroup

- **VHM**: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đạt 52.092 tỷ đồng, tăng gần 380% YoY và hoàn thành 86,8% kế hoạch năm. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 116.565 tỷ đồng. Tổng doanh thu thuần hợp nhất quy đổi (bao gồm cả phần doanh thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh và giao dịch bán lô lớn ghi nhận vào doanh thu tài chính) đạt 134.205 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng 203% YoY.
- **VIC**: Trong quý 2, doanh thu đạt 117.936 tỷ đồng, tăng gấp 2,6 lần so với cùng kỳ, nhờ ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ từ các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh bất động sản, LNST công ty mẹ đạt 10.003 tỷ đồng, tăng 1.163% YoY. Trong nửa đầu 2026, doanh thu ghi nhận gần 222,3 nghìn tỷ đồng, tăng 73% YoY và lợi nhuận sau thuế gần 20,4 nghìn tỷ, gấp 4,5 lần cùng kỳ, thực hiện 58% kế hoạch năm.
- **VRE**: Lợi nhuận sau thuế quý 2 đạt 1.608 tỷ đồng (+30% YoY), lũy kế 6 tháng đạt 3.215 tỷ đồng (+33% YoY), hoàn thành khoảng 58% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Doanh thu 6 tháng đạt 4.667 tỷ đồng (+9% YoY), doanh thu điều chỉnh (bao gồm phần pro-forma từ giao dịch chuyển nhượng BĐS đầu tư quý 1/2026) đạt 4.947 tỷ đồng, hoàn thành 49% kế hoạch năm. Tăng trưởng lợi nhuận vượt tăng trưởng doanh thu chủ yếu nhờ: biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 58,6% trong 1H26 (1H25: 55,8%) nhờ tỷ lệ lấp đầy và giá thuê cải thiện và khoản lãi bất thường 184.8 tỷ đồng từ thanh lý một bất động sản đầu tư không cốt lõi trong quý 1/2026.

Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)

Ngân hàng: Quý 2 tăng 25% YoY (tăng tốc so với mức tăng quý 1: +12% YoY)

- **VCB**: Quý 2/2026, lãi trước thuế gần 17,420 tỷ đồng (+58% YoY), với thu nhập lãi thuần (19.142 tỷ đồng; +35% YoY) vẫn là động lực dẫn dắt chính. Lũy kế nửa đầu năm, VCB ghi nhận lãi trước thuế hơn 29.222 tỷ đồng (+33% YoY).
- **VPB**: Quý 2: LNST hợp nhất đạt 8.776 tỷ đồng (+77,4% YoY); lũy kế 6 tháng, LNST đạt 15.105 tỷ đồng (+70,2% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng đạt 1,16 triệu tỷ đồng (+23,0% YTD, +40,1% YoY), gấp 3 lần tốc độ toàn ngành nhờ lợi thế hạn mức tín dụng sau nhận chuyển giao GPBank; tiền gửi khách hàng tăng 16,7% YTD. Chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm về 3,3% từ mức 3,6% quý trước, tỷ lệ bao phủ nợ xấu nhích lên 56%.
- **MBB**: Quý 2: LNST của cổ đông của Ngân hàng mẹ đạt 8.229 tỷ đồng (+40% YoY). Lũy kế 6 tháng, LNTT đạt 20.188 tỷ đồng (+27YoY) và hoàn thành 51% kế hoạch lợi nhuận cả năm và LNST của cổ đông của Ngân hàng mẹ đạt 15.745 tỷ đồng (+26,5% YoY).
- **CTG**: Quý 2: LNTT đạt gần 14.729 tỷ đồng (+22% YoY), với thu nhập lãi thuần tăng 31% YoY, đạt hơn 20.730 tỷ đồng. Lũy kế trong nửa đầu năm, CTG đạt LNTT hơn 25.868 tỷ đồng (+37% YoY).
- **HDB**: Quý 2: LNTT đạt 7.095 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 13.202 tỷ đồng (+31% YoY) và hoàn thành gần 44% kế hoạch cả năm.
- **BID**: Quý 2, BID ghi nhận lợi nhuận trước thuế gần 10.333 tỷ đồng (+20% YoY), với thu nhập lãi thuần tăng 19% YoY đạt hơn 17.804 tỷ đồng. Lũy kế nửa đầu năm, BID đạt lãi trước thuế gần 18.905 tỷ đồng(+18% YoY).
- **TCB**: Quý 2: LNTT đạt 9.670 tỷ đồng (+22,4% YoY); lũy kế 6 tháng, LNTT đạt 18.540 tỷ đồng (+22,5%). Loại trừ các khoản cho vay ngoài hạn mức, tăng trưởng tín dụng ngân hàng riêng lẻ vẫn duy trì ở mức 11,6% YTD, Tiền gửi khách hàng đạt 697,4 nghìn tỷ đồng (+18,4% YoY và +4,8% YTD).

Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)

Dịch vụ tài chính: Quý 2 tăng 30% YoY (tăng tốc so với mức tăng quý 1: +22% YoY)

- **VPX**: Quý 2: LNTT đạt 2.159 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ; lũy kế nửa đầu năm: LNTT đạt 2.673 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với cùng kỳ.
- **VND**: LNST đạt hơn 880 tỷ đồng (+139% YoY) trong quý 2 nhờ tự doanh, cho vay và hoàn nhập dự phòng.
- **VCK**: Quý 2: Doanh thu hoạt động đạt 2.354 tỷ đồng (+37% YoY); LNST đạt 1.104 tỷ đồng (+57% YoY). Dư nợ cho vay ký quỹ đạt 31.311 tỷ đồng tại cuối quý, tăng 80% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm, VPS ghi nhận doanh thu hoạt động 4.873 tỷ đồng (+53% YoY) và LNST đạt 2.339 tỷ đồng (+63%YoY).
- **TCX**: Quý 2: doanh thu đạt 3.745 tỷ đồng (+41% YoY) và LNTT đạt 2.097 tỷ đồng (+21% YoY). Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 3.555 tỷ đồng, hoàn thành 47% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Quy mô cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt hơn 51,5 nghìn tỷ đồng (+52% YoY).
- **SSI**: Lợi nhuận sau thuế đạt 1.231 tỷ đồng(+27% YoY). Trong 6 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế đạt 2.509 tỷ đồng (+38% YoY)
- **HCM**: Quý 2: LNTT 340 tỷ đồng (+42,1% YoY) và LNST 273 tỷ đồng (+42,0% YoY), chủ yếu nhờ mảng cho vay margin với doanh thu 766 tỷ đồng (+53,5% YoY), chiếm 62% doanh thu hoạt động, khi dư nợ ký quỹ tăng lên mức kỷ lục 29.024 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu tự doanh (–24,5% YoY) và môi giới (–15,0% YoY) đều suy giảm.
- **VCI:** Quý 2: Doanh thu hoạt động đạt 1.176 tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng trưởng chính đến từ mảng cho vay và các khoản phải thu khi ghi nhận 463 tỷ đồng, tăng 79% YoY. Doanh thu môi giới chứng khoán cũng tăng nhẹ 2% YoY, đạt khoảng 226 tỷ đồng. LNTT đạt 271 tỷ đồng và LNST đạt 251 tỷ đồng, tăng lần lượt 28% và 36% YoY.

Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)

Xây dựng cơ bản: Quý 2 tăng 17% YoY (tăng tốc so với mức tăng quý 1: +15% YoY)

- **GEE**: Quý 2/2026, doanh thu đạt 9.524 tỷ đồng (+46% YoY), LNST hơn 740 tỷ đồng (+31% YoY). Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 16.621 tỷ đồng (+41% YoY), LNTT đạt 1.700 tỷ đồng và LNST đạt 1.346 tỷ đồng, cùng tăng 28% YoY, hoàn thành 61% kế hoạch doanh thu và 63% chỉ tiêu LNTT.
- **VGC**: Doanh thu quý 2/2026 đạt 4.462 tỷ đồng (+38% YoY), lợi nhuận trước thuế 1.036 tỷ đồng (+42% YoY) — lần đầu vượt mốc 1.000 tỷ đồng trong một quý nhờ mảng cho thuê hạ tầng khu công nghiệp; lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 563 tỷ đồng (+28% YoY). Lũy kế 6 tháng, lợi nhuận trước thuế hoàn thành khoảng 80% kế hoạch năm.
- **BMP:** Quý 2: Doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 1.320 tỷ đồng (+1% YoY) và 367 tỷ đồng (+11% YoY). Lợi nhuận tăng trong khi doanh thu đi ngang, nguyên nhân chủ yếu đến từ cải thiện biên lợi nhuận gộp và giảm chi phí hoạt động.

Nguyên vật liệu: Quý 2 tăng 46% YoY (giảm tốc so với mức tăng quý 1: +104% YoY)

- **HPG**: Doanh thu quý 2/2026 đạt 55.557 tỷ đồng (+53% YoY), lợi nhuận sau thuế 6.424 tỷ đồng (+51% YoY). Lũy kế 6 tháng, doanh thu 108.870 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 15.480 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 52% và 70% kế hoạch năm; mảng thép đóng góp 93% doanh thu và 68% lợi nhuận. Biên lợi nhuận ròng quý 2 đạt 11,6%, thấp hơn quý 1 do quý 1 ghi nhận khoản lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh quy mô lớn.

Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY (quý 1: +50% YoY; quý 2: 46% YoY)

Tiêu dùng không thiết yếu: Quý 2 giảm 31% YoY (so với mức tăng quý 1: +73% YoY)

- **MWG**: Lũy kế 6 tháng: Doanh thu đạt 95,3 nghìn tỷ đồng (+29% YoY), hoàn thành 52% kế hoạch năm, **nhờ sự tích cực ở cả 2 mảng kinh doanh cốt lõi là điện thoại - điện máy và thực phẩm**. Chuỗi Bách hóa Xanh ghi nhận doanh thu 28,3 nghìn tỷ đồng (+25% YoY), mở mới 632 cửa hàng. Trong khi đó, CTCP Đầu tư Điện máy Xanh (DMX) - đơn vị quản lý mảng điện thoại, điện máy của MWG - đạt doanh thu gần 65,1 nghìn tỷ đồng (+31% YoY).
- **FRT**: Doanh thu 6 tháng đạt 30.743 tỷ đồng (+33% YoY), lợi nhuận trước thuế 1.038 tỷ đồng, hoàn thành 67% kế hoạch năm. Chuỗi nhà thuốc Long Châu tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu 21.448 tỷ đồng (+33% Yoy) và quy mô 2.639 nhà thuốc.
- **PNJ**: Quý 2/2026 ghi nhận lỗ sau thuế 283 tỷ đồng, chịu tác động lớn từ khoản chi phí quản lý doanh nghiệp tăng (khoản trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại sản phẩm).

Tiêu dùng thiết yếu: Quý 2 tăng 28% YoY (giảm tốc so với mức tăng quý 1: +56% YoY)

- **MSN**: Trong quý 2/2026, MSN ghi nhận doanh thu thuần 28.118 tỷ đồng (+53,5% YoY) và LNST trước lợi ích cổ đông thiểu số 3.800 tỷ đồng, gấp 2,3 lần cùng kỳ và là mức cao nhất trong lịch sử, lũy kế 6 tháng đạt 5.773 tỷ đồng. Động lực chính đến từ mảng vật liệu công nghệ cao khi MSR đạt doanh thu 8.138 tỷ đồng, cùng WinCommerce tăng 27,4% lên 11.629 tỷ đồng và Masan Consumer tăng 14,2%. HĐQT đã nâng kế hoạch 2026 lên 98.000–105.000 tỷ đồng doanh thu và 10.000–11.500 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số, so với mức 7.250–7.900 tỷ đồng trước đó.
- **VNM**: LNST quý 2 đạt 3.184 tỷ đồng (+28% YoY), doanh thu 18.856 tỷ đồng (+12,5% YoY); lũy kế sáu tháng LNST 5.643 tỷ đồng (+38,4% YoY), doanh thu 35.034 tỷ đồng (+17,7% YoY), riêng doanh thu từ xuất khẩu quý 2 tăng khoảng 41% YoY.

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1.735,8 (+2,9% WoW) hồi phục tại vùng định giá thấp (P/E 14 lần)

- **Lực mua xuất hiện tại vùng định giá thấp**: Sau khi VN-Index chạm vùng định giá P/E khoảng 14 lần (tương đương mức trung bình 10 năm trừ 1 độ lệch chuẩn), lực mua xuất hiện giúp thị trường hồi phục tuần qua.

- **Hồi phục phân hóa theo KQKD và các giải pháp chính sách:**

  - **Cổ phiếu nhóm Vingroup (VHM: +14% WoW, VRE: +13% WoW)** hồi phục sau khi công bố KQKD quý 2 tăng trưởng mạnh (với mức tăng trưởng lần lượt 200% YoY và 30% YoY).

  - **Cổ phiếu các ngân hàng quốc doanh** (VCB: +10% WoW, BID: +6% WoW, CTG: +6% WoW) sau quyết định nâng tỷ lệ tính số dư tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vào tổng tiền gửi (mẫu số của LDR) từ 20% lên 50% vào ngày 30/7 của NHNN. Điều này được kỳ vọng sẽ giúp mở rộng dư địa tăng trưởng tín dụng thêm khoảng 200 nghìn tỷ đồng cho các ngân hàng quốc doanh có mức tiền gửi của KBNN cao.

- **Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm** (14 nghìn tỷ/ngày; -14% WoW) cho thấy sự hoài nghi của thị trường vào sự phục hồi hiện tại.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

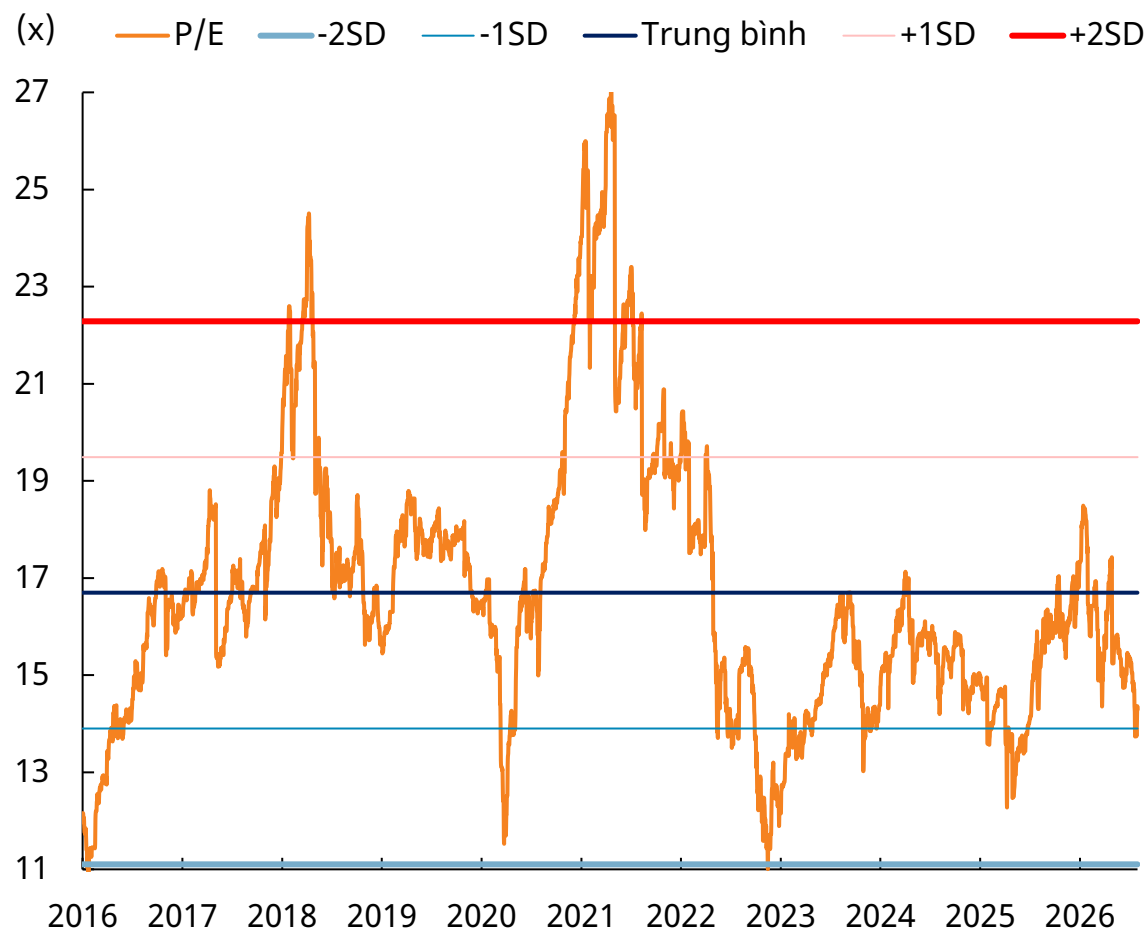
Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8,245	100%	3%	23%	-14%
Bất động sản	2,781	34%	4%	38%	5%
Ngân hàng	2,521	31%	3%	15%	-27%
Tiêu dùng thiết yếu	598	7.3%	2%	38%	-2%
Dịch vụ tài chính	476	5.8%	3%	31%	-11%
Nguyên vật liệu	420	5.1%	4%	54%	-20%
Tiện ích	307	3.7%	1%	8%	-34%
Vận tải	271	3.3%	1%	38%	2%
Xây dựng cơ bản	242	2.9%	2%	8%	-18%
Dầu khí	200	2.4%	3%	8%	-19%
Tiêu dùng không thiết yếu	188	2.3%	4%	77%	-11%
CNTT	123	1.5%	6%	8%	-20%
Bảo hiểm	57	0.7%	5%	31%	38%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **31/07/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

Dòng tiền phân hóa tại vùng định giá hấp dẫn

- **Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản. Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước, đặc biệt là Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 27/7; 2) Lợi nhuận 6 tháng của các DNNY tăng ấn tượng 47,5% YoY, với kỳ vọng mức tăng trưởng cả năm khoảng 20–22% YoY.
- **Theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài (địa chính trị, thuế quan, chính sách tiền tệ của Fed); 2) NĐT nước ngoài tiếp tục bán ròng; 3) Tâm lý chờ đợi hiệu quả rõ ràng hơn từ một loạt các chính sách thúc đẩy kinh tế trong nước được ban hành, đặc biệt là về khơi thông dòng vốn.
- **Định giá: P/E thị trường đang ở mức 14,3x (mức P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn)**. Nhìn lại thống kê từ năm 2025 đến nay, đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Đáng chú ý, với việc các doanh nghiệp công bố mức tăng trưởng LNST quý 2 lên đến 46% YoY sẽ giúp định giá P/E giảm thêm sau khi cập nhật dữ liệu (ước tính P/E về 13x).
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **31/07/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa	Free-float	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
		(tỷ đồng)	(%)	Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,244,812**	**49.7**	**1,735.78**	**1,936.55**	**1,479.98**	**-0.5**	**2.9**	**-6.7**	**15.5**	**14.3**	**2.0**	**15.1**	**13.3**	**30.0**
VN30 Index		**6,123,801**	**47.6**	**1,872.07**	**2,102.77**	**1,584.98**	**-0.8**	**2.3**	**-6.2**	**15.9**	**11.1**	**2.0**	**16.8**	**16.6**	**19.9**
VN100 Index		**7,228,723**	**49.4**	**1,786.90**	**2,008.27**	**1,574.72**	**-0.8**	**2.0**	**-7.5**	**11.8**	**12.2**	**1.7**	**15.1**	**14.9**	**25.9**
Bất động sản	VIC	1,661,884	34.4	214,100	231,800	52,000	-2.7	0.5	-2.7	305.9	72.8	9.7	14.2	3.2	44.9
	VHM	608,308	28.3	148,100	164,000	87,800	0.1	13.9	-2.4	64.6	7.6	2.3	33.8	6.9	43.1
	VPL	142,747	100.0	79,600	109,100	70,900	0.1	6.8	-11.4	-3.7	56.7	3.7	6.8	6.3	42.7
	VRE	56,353	39.7	24,800	43,550	21,500	2.1	13.2	-13.0	-11.7	7.8	1.1	15.5	11.3	37.7
	BCM	36,950	3.4	35,700	79,500	35,650	-1.7	-5.3	-31.9	-50.2	18.0	1.7	16.4	0.7	33.3
	NVL	31,227	68.5	13,000	19,535	10,326	0.0	0.4	4.8	-16.1	7.0	0.7	7.3	4.9	44.1
	KBC	26,181	72.6	27,800	43,100	27,150	-0.9	-0.2	-8.9	-12.2	22.7	1.0	7.0	7.4	41.6
	VPI	20,451	44.1	63,900	64,900	51,500	-1.5	0.5	3.1	23.1	51.1	3.9	5.4	9.7	39.3
	KDH	19,583	59.5	17,450	37,500	17,350	-0.3	0.3	-19.2	-36.3	12.0	1.1	9.0	24.7	25.3
	SJS	14,026	63.9	47,150	79,000	44,500	-0.3	-0.1	-1.8	-33.7	23.0	3.9	14.1	0.6	49.4
	DXG	13,062	81.0	10,300	21,228	10,100	-2.8	2.0	-18.6	-40.7	65.0	0.9	1.7	18.2	31.8
	PDR	11,425	63.3	11,450	27,200	11,450	-3.4	-4.2	-22.4	-40.3	18.4	0.9	4.9	6.9	43.1
	SIP	11,646	48.1	48,100	67,400	46,550	-0.2	3.0	-4.4	-28.5	8.5	2.4	27.6	2.3	46.7
	TCH	10,398	57.8	11,400	24,571	11,400	-1.3	-2.6	-21.6	-42.6	34.8	0.9	2.9	9.7	41.3
	TAL	11,214	33.1	22,250	38,000	20,000	7.0	6.0	-16.2	0.0	13.8	2.0	16.2	9.9	39.1
	NLG	10,771	78.9	22,200	43,159	21,350	3.0	4.0	-15.1	-41.6	16.4	0.8	5.5	40.6	9.4
	DIG	8,004	93.9	10,050	25,100	10,000	-1.5	-2.4	-19.3	-49.6	10.3	0.8	7.6	2.4	46.6
	KOS	7,685	44.1	35,500	42,150	33,250	-0.7	0.3	-4.2	-8.6	404.6	3.3	0.8	0.1	48.9
	HDG	6,572	58.7	16,150	32,909	16,100	-2.1	-0.9	-22.4	-32.1	9.0	1.0	10.3	16.4	33.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **31/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Ngân hàng	VCB	495,492	25.2	59,300	76,000	53,200	5.0	9.6	-4.7	-1.5	11.9	2.1	16.4	20.1	9.9
	BID	276,642	23.3	38,000	54,500	35,550	2.0	5.6	-10.4	0.4	8.4	1.5	18.4	17.5	12.5
	CTG	239,222	35.5	30,800	41,550	28,650	1.1	6.2	-9.3	-2.9	6.0	1.3	22.4	24.5	5.5
	TCB	205,147	82.2	28,950	41,650	28,500	-1.2	1.2	-13.6	-14.9	7.6	1.1	15.8	21.1	1.4
	VPB	196,761	91.3	24,800	38,250	24,350	-0.8	-0.6	-8.1	-3.9	6.6	1.1	18.3	23.4	6.7
	MBB	181,237	69.2	22,500	29,500	20,492	0.0	2.7	-10.7	8.2	6.0	1.3	21.2	22.0	1.2
	LPB	154,741	93.3	51,800	56,200	33,450	-1.5	-1.1	-3.2	51.5	13.7	3.6	27.0	1.2	3.8
	STB	134,416	96.7	71,300	75,000	46,000	-0.4	-3.0	-3.4	42.7	22.0	2.2	7.8	11.2	18.8
	ACB	127,117	92.9	21,900	26,018	20,088	-2.0	-2.7	-3.3	7.6	8.1	1.3	16.8	24.3	5.7
	HDB	126,133	77.3	25,200	29,700	20,356	-1.9	-2.5	-2.5	23.6	6.3	1.6	24.5	21.6	5.4
	SHB	61,453	88.4	11,500	18,825	11,500	-2.1	-2.5	-15.1	-23.3	4.6	0.7	18.3	4.0	26.0
	SSB	53,318	88.6	15,550	19,748	13,566	0.0	1.0	-4.0	-3.9	18.4	1.3	7.6	0.3	29.7
	MSB	49,764	92.9	15,950	16,450	11,100	1.3	0.0	-1.5	38.7	8.5	1.1	14.3	7.5	22.6
	VIB	49,358	77.3	14,500	24,800	14,350	-1.7	0.7	-12.1	-25.3	6.7	1.0	16.2	3.5	1.5
	TPB	39,114	78.0	14,100	21,714	13,750	-2.1	-0.7	-15.1	-5.7	5.2	0.9	17.6	22.1	7.9
	EIB	33,156	90.0	17,800	30,900	17,450	-0.6	1.7	-15.2	-34.1	67.4	1.3	2.9	1.5	28.5
	OCB	31,084	89.2	10,150	13,391	9,217	-1.9	-0.5	-7.7	-4.1	7.0	0.9	12.7	19.6	2.4
	NAB	25,015	93.4	12,150	14,167	10,083	-1.2	-2.8	-8.0	-3.4	5.3	1.0	20.1	1.1	28.9
Dịch vụ tài chính	TCX	113,753	100.0	41,000	52,917	35,833	1.0	4.6	-7.7	0.0	18.2	2.5	16.1	9.3	90.7
	VCK	75,483	100.0	31,000	37,300	26,750	-0.5	4.6	-6.3	0.0	10.4	2.5	19.3	3.7	96.3
	SSI	58,665	91.9	23,550	40,214	22,800	-1.9	3.3	-12.0	-24.4	11.6	1.5	13.5	29.9	70.1
	VPX	47,625	100.0	25,400	32,950	24,950	0.0	-1.7	-11.2	0.0	10.8	1.4	14.4	4.2	95.8
	HCM	33,749	64.7	25,000	26,606	17,941	-2.7	-2.3	5.0	10.3	23.3	2.1	10.7	34.2	14.8
	VIX	31,854	99.8	13,000	33,907	12,450	-0.4	4.4	-23.1	-43.6	6.0	1.0	15.7	6.7	93.3
	VND	25,270	71.2	16,600	27,350	15,300	-2.6	0.6	-6.2	-26.9	9.4	1.2	13.1	8.9	91.2
	VCI	24,543	75.4	21,300	36,630	19,650	-0.9	7.6	-12.5	-33.2	15.2	1.4	9.8	17.1	82.9
	EVF	9,279	98.6	12,200	16,500	10,800	-1.6	-2.4	-6.9	-6.2	9.9	0.9	9.4	0.3	14.7
	DSE	9,507	51.1	22,200	31,225	21,450	0.5	1.1	-1.1	-0.8	36.0	1.7	5.0	10.6	89.4
	FTS	8,157	80.5	21,400	39,591	21,050	-2.1	-0.9	-19.4	-42.6	19.4	1.8	9.7	24.6	75.4
	BSI	7,449	13.0	27,600	50,909	27,600	-1.4	-2.1	-22.7	-33.6	14.9	1.3	9.3	35.5	64.5
	CTS	5,949	24.4	21,850	36,328	20,117	1.2	1.6	-16.4	-31.5	15.8	2.1	14.0	0.6	48.4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **31/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa	Free-float	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
		(tỷ đồng)	(%)	Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	44,614	35.0	60,100	85,300	48,250	-1.6	5.4	-7.0	22.0	15.1	1.8	12.2	27.3	21.7
Xây dựng cơ bản	GEE	42,785	18.3	66,800	140,457	59,429	-0.1	-1.6	-27.6	-8.0	12.0	5.3	47.9	1.0	49.0
	GEX	29,441	75.5	22,500	45,310	21,550	1.8	3.2	-28.5	-45.4	19.8	1.5	8.8	6.5	43.5
	REE	28,965	38.0	46,500	63,043	44,000	2.6	4.7	-6.3	-19.9	11.0	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	16,970	11.1	37,850	66,600	37,300	0.3	0.9	-15.9	-36.3	11.9	2.0	16.3	0.9	48.1
	BMP	12,549	44.2	153,300	184,200	124,300	3.5	2.2	0.3	9.0	9.8	4.4	45.4	82.6	17.4
	VCG	10,822	54.9	15,500	26,481	15,500	-1.0	-0.3	-19.5	-35.4	2.9	0.9	38.9	2.1	46.9
	CII	8,803	95.6	13,100	31,350	13,050	-2.2	-3.7	-24.7	-8.7	75.9	0.9	1.2	4.0	36.0
	CTR	9,211	34.2	71,900	98,661	68,000	1.3	2.9	-5.0	-10.8	14.1	4.1	30.9	4.6	44.4
	PC1	8,802	70.9	21,400	30,150	17,750	-1.2	1.4	-7.4	-5.0	8.7	1.3	16.5	8.7	41.3
	CTD	6,821	44.4	61,000	93,878	54,900	3.2	10.7	-16.1	-17.0	8.1	0.7	9.2	46.9	2.1
	HHV	5,450	85.5	9,960	16,134	9,960	-0.9	-0.1	-8.3	-16.3	8.5	0.5	5.8	10.4	38.6
Nguyên vật liệu	HPG	183,213	82.0	21,700	27,364	20,600	-0.5	4.3	-6.9	-4.3	7.9	1.3	16.4	21.6	27.5
	GVR	110,000	3.2	27,500	42,300	25,100	-0.2	5.0	-16.2	-8.6	17.3	1.9	11.2	0.6	12.4
	DCM	16,253	24.4	30,700	52,300	29,400	-1.8	3.9	-12.8	-14.4	7.0	1.4	21.3	6.4	42.6
	DPM	16,012	40.4	23,550	35,800	21,750	0.4	4.2	2.4	-0.2	9.7	1.4	11.1	3.3	46.7
	HSG	8,638	82.0	10,700	16,231	10,350	-1.8	2.4	-8.5	-25.4	13.2	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,696	33.3	56,800	71,300	50,700	-0.7	2.9	-9.8	-11.3	11.6	1.8	16.2	12.1	36.9
	NKG	5,391	76.2	10,950	18,545	10,500	-1.4	4.3	-8.8	-25.4	35.0	0.7	2.0	4.6	45.4
	HT1	4,655	19.4	12,200	18,500	12,100	-0.8	0.0	-8.6	-14.1	12.0	0.9	7.7	2.1	46.9
Vận tải	VJC	96,137	52.9	125,000	163,462	90,000	0.6	-1.9	-10.4	34.1	42.7	3.7	11.4	6.2	23.8
	GMD	32,840	96.0	77,000	85,100	55,700	0.8	5.2	4.6	37.0	13.8	2.4	18.3	40.6	8.4
	VTP	9,742	57.1	48,000	80,796	46,500	2.1	0.8	-11.1	-31.0	28.5	5.3	19.3	3.8	45.2
	VSC	5,166	49.5	13,800	33,850	13,450	1.1	2.6	-27.4	-47.1	15.1	1.0	5.5	4.1	44.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **31/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	102,643	86.3	69,900	93,900	65,200	0.1	2.8	-10.5	7.0	10.4	2.9	30.2	49.0	0.0
	FRT	22,245	49.1	124,400	162,857	103,700	7.0	15.4	3.7	-15.6	19.6	4.6	29.7	31.6	17.4
	PNJ	15,863	89.8	31,000	84,667	30,250	-4.6	0.8	-50.8	-44.9	5.8	1.1	27.7	42.6	6.4
	DGW	8,094	63.1	36,600	54,900	33,500	0.3	9.3	-9.0	-14.0	7.8	2.2	19.1	23.7	25.3
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	182,519	29.1	141,000	183,342	126,500	-1.3	4.4	5.2	0.0	26.1	9.8	39.4	15.6	84.4
	VNM	127,278	38.2	60,900	73,000	54,700	-0.5	3.4	11.1	-0.5	12.9	4.0	31.1	49.5	50.5
	MSN	96,531	52.1	66,100	94,000	62,800	-2.7	3.4	-8.3	-8.8	14.3	2.5	19.5	24.1	75.9
	SAB	55,856	10.4	43,550	53,800	42,600	0.3	-6.3	-10.2	-8.6	12.1	2.9	23.0	58.7	41.3
	SBT	19,261	59.7	21,250	25,236	19,340	-0.2	2.4	0.0	-6.9	29.8	1.7	6.0	19.6	80.4
	HAG	17,744	73.7	14,000	18,400	13,800	-1.4	0.0	-8.5	0.4	5.1	1.1	26.7	1.8	47.2
	KDC	13,845	66.1	50,100	55,300	38,700	0.2	2.9	0.2	-7.1	28.9	2.1	9.2	13.6	36.4
	VHC	11,017	51.9	52,600	65,600	52,600	-2.8	-2.4	-11.6	-7.1	8.1	1.2	15.4	18.8	81.2
	BAF	10,835	65.8	29,700	32,583	26,208	0.2	2.8	0.2	3.3	89.1	2.5	5.5	2.6	47.4
	DBC	7,026	71.7	16,300	28,080	15,950	-0.9	1.2	-12.1	-37.5	6.1	0.8	14.3	1.5	47.5
	PAN	5,214	82.1	20,800	29,417	20,650	-2.3	-0.5	-9.2	-26.6	4.3	1.0	22.6	22.3	26.7
	ANV	4,540	33.7	17,050	33,450	16,750	-3.1	0.9	-19.8	-27.3	5.2	1.2	24.3	2.8	46.2
Dầu khí	BSR	126,935	7.9	25,350	39,500	12,693	-1.4	5.6	5.0	100.7	6.4	1.7	30.1	1.1	47.9
	PLX	42,311	9.4	33,300	67,000	33,300	-1.6	-1.5	-9.9	-8.1	13.1	1.7	6.9	14.0	6.0
	PVD	16,839	47.3	18,150	25,824	11,983	-4.0	-4.5	-7.6	43.2	17.1	1.0	7.2	8.5	41.5
	PVT	9,460	48.9	18,300	27,909	15,500	0.8	8.6	-7.8	11.5	6.8	1.0	15.6	12.9	36.1
Tiện ích	GAS	165,528	4.2	68,600	122,000	58,500	-0.1	2.1	-11.4	4.4	13.1	2.4	17.6	2.0	47.0
	POW	41,723	27.4	13,600	15,350	10,869	-0.7	1.9	-7.5	14.3	6.7	1.1	9.0	4.6	45.4
	BWE	10,896	36.5	43,350	49,119	40,998	0.8	-0.8	-1.5	-10.5	11.0	1.6	15.7	2.3	46.7
	NT2	6,045	32.3	21,000	28,300	20,100	-0.2	-1.4	-8.1	4.0	4.6	1.1	27.4	10.4	38.6
CNTT	FPT	115,031	89.5	67,100	107,400	62,800	0.1	6.7	-4.4	-35.5	11.4	2.9	27.3	27.1	21.9
	CMG	5,660	46.0	24,300	41,636	24,000	0.8	-1.6	-10.0	-34.2	13.7	1.7	13.4	36.4	13.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **31/07/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.